

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC	9
THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ, ĐƯỢC HOÀN LẠI, ĐƯỢC GIẢM	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Đường bộ (sau đây gọi là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Đường bộ được thành lập theo Quyết định số 2131/QĐ – BGTVT ngày 12/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103015225 đăng ký lần đầu ngày 28/12/2006.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 ngày 14 tháng 06 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty là 11.550.000.000 đồng (Mười một tỷ, năm trăm, năm mươi triệu đồng).

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán là Công ty đại chúng và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là Công ty Đại chúng từ tháng 06 năm 2007.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Lập quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết giao thông vận tải.
- Lập báo cáo đầu tư xây dựng, dự án đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế kỹ thuật.
- Lập hồ sơ mời thầu, phân tích và đánh giá hồ sơ dự thầu.
- Lập tổng mức đầu tư dự án, lập dự toán và tổng dự toán.
- Thiết kế các công trình giao thông cầu, đường bộ.
- Thiết kế các công trình cầu, hầm.
- Thiết kế các công trình xây dựng cầu.
- Thiết kế công trình đường sắt.
- Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng.
- Thiết kế điện chiếu sáng công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông.
- Thiết kế biện pháp khảo sát công trình, khảo sát địa chất, thủy văn.
- Thiết kế nền, xử lý nền: đối với công trình xây dựng.
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp.
- Thẩm tra: Hồ sơ khảo sát, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và tổng dự toán (chỉ hoạt động khi có đủ năng lực theo quy định của pháp luật).
- Khảo sát thủy văn, môi trường.
- Khảo sát địa chất thủy văn, địa chất công trình.
- Khảo sát trắc địa công trình.
- Điều tra phân tích, thu thập các số liệu phục vụ thiết kế các công trình tiện ích giao thông.
- Điều tra, thu thập các số liệu về quy hoạch, dân sinh, kinh tế - xã hội, các vấn đề liên quan đến giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, xây dựng, công nghiệp.
- Tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông (chỉ hoạt động khi có đủ năng lực theo quy định của pháp luật và theo chứng chỉ hành nghề).
- Kiểm định, thử tải công trình (chỉ hoạt động khi có đủ năng lực theo quy định của pháp luật).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CHÍNH (tiếp theo)

- Thí nghiệm vật liệu xây dựng và thí nghiệm công trình.
- Tư vấn quản lý dự án, đầu tư xây dựng (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật và theo chứng chỉ hành nghề).
- Sửa chữa thiết bị đo đạc.
- Phân tích, nghiên cứu, đánh giá tác động môi trường.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 6 đến trang 26 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Văn Tòng	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Bích	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Hoàng Văn Thọ	Thành viên HĐQT
Ông Vũ Văn Chí	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Duy Khôi	Thành viên HĐQT

Ban Giám đốc

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm 2012 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Tòng	Giám đốc (miễn nhiệm từ 01.06.2012)
Ông Hoàng Văn Thọ	Giám đốc (bổ nhiệm từ 01.06.2012 đến nay)
Ông Nguyễn Văn Bích	Phó Giám đốc
Ông Vũ Văn Chí	Phó Giám đốc
Ông Phạm Duy Khôi	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc gia VIA, Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Integra International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm nhằm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Văn Thọ

Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2013

Số. 343 /2013/P1/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Đường bộ**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh từ mục I đến mục VII của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Đường bộ (gọi tắt là “ Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 09 tháng 03 năm 2013.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

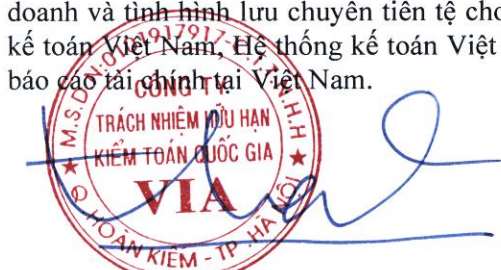
Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 4, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác liên quan đến quá trình lập báo cáo tài chính tại Việt Nam.



Phan Huy Thắng

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0147/KTV



Bùi Ngọc Bình

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0657/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC GIA VIA

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Integra International

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		35.170.304.321	31.642.213.664
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	12.122.417.231	1.472.287.915
1. Tiền	111		12.122.417.231	1.472.287.915
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	1.350.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	1.350.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.264.347.962	24.680.077.413
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	19.729.809.080	24.003.699.379
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	698.418.182	1.175.599.382
3. Các khoản phải thu khác	135		9.044.800	9.937.752
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(1.172.924.100)	(509.159.100)
IV. Hàng tồn kho	140		3.178.717.398	3.372.183.031
1. Hàng tồn kho	141	V.04	3.178.717.398	3.372.183.031
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		604.821.730	767.665.305
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.686.000	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	597.135.730	767.665.305
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.247.339.924	5.685.419.059
I. Tài sản cố định	220		2.076.406.363	2.429.319.492
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	2.076.406.363	2.429.319.492
- Nguyên giá	222		6.108.602.870	6.367.229.403
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.032.196.507)	(3.937.909.911)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	-	-
- Nguyên giá	228		144.485.000	144.485.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(144.485.000)	(144.485.000)
II. Tài sản dài hạn khác	260		2.170.933.561	3.256.099.567
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	2.170.933.561	3.256.099.567
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		39.417.644.245	37.327.632.723

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		22.828.749.714	22.142.545.209
I. Nợ ngắn hạn	310		22.828.749.714	21.683.269.262
1. Phải trả người bán	312	V.09	4.320.508.707	875.491.097
2. Người mua trả tiền trước	313	V.10	5.246.594.437	13.956.099.627
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	4.974.625.770	2.489.697.823
4. Phải trả người lao động	315		3.726.229.000	395.083.443
5. Chi phí phải trả	316		1.213.113.055	310.089.500
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	3.333.978.745	3.637.235.672
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		13.700.000	19.572.100
II. Nợ dài hạn	330		-	459.275.947
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	186.548.674
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	272.727.273
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		16.588.894.531	15.185.087.514
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	16.588.894.531	15.185.087.514
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		11.550.000.000	11.550.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.110.958.365	797.958.365
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		671.203.166	537.203.166
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.256.733.000	2.299.925.983
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	450		39.417.644.245	37.327.632.723

Kế toán trưởng



Bùi Thị Vân

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2013

Giám đốc



Hoàng Văn Thọ

Mẫu số B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	60.889.472.106	60.207.917.148
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		60.889.472.106	60.207.917.148
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	44.287.457.174	48.128.813.292
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.602.014.932	12.079.103.856
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	525.722.808	2.108.655.097
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.04	13.016.106.039	10.571.574.316
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.111.631.701	3.616.184.637
11. Thu nhập khác	31		205.385.038	85.293.730
12. Chi phí khác	32		2.000.000	1.700.000
13. Lợi nhuận khác	40		203.385.038	83.593.730
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.315.016.739	3.699.778.367
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.05	871.286.804	999.694.592
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.443.729.935	2.700.083.775
17. Lãi cơ bản trên một cổ phiếu	70		2.982	2.338

Kế toán trưởng



Bùi Thị Vân

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2013

Giám đốc



Hoàng Văn Thọ

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số còn phải nộp đầu năm	Số phát sinh trong năm		Số còn phải nộp cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp	
I. Thuế	2.489.697.823	6.786.093.702	4.301.165.755	4.974.625.770
1 Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.349.498.360	5.160.125.800	2.551.334.659	3.958.289.501
2 Thuế thu nhập doanh nghiệp	735.361.723	871.286.804	981.500.000	625.148.527
3 Thuế thu nhập cá nhân	404.837.740	588.677.932	603.453.000	390.062.672
4 Tiền thuê đất	-	163.003.166	161.878.096	1.125.070
5 Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
II. Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-

THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ, THUẾ GTGT ĐƯỢC HOÀN LẠI, THUẾ GTGT ĐƯỢC GIẢM, THUẾ GTGT HÀNG BÁN NỘI ĐỊA

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Năm 2012
I. Thuế GTGT được khấu trừ	
1 Thuế GTGT còn được khấu trừ, được hoàn lại đầu năm	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ phát sinh	903.412.318
3 Thuế GTGT đã khấu trừ, đã hoàn lại, thuế GTGT hàng mua trả lại và không được khấu	903.412.318
4 Thuế GTGT còn được khấu trừ, được hoàn lại cuối năm	-
II. Thuế GTGT hàng bán nội địa	
1 Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp đầu năm	1.349.498.360
2 Thuế GTGT đầu ra phát sinh	6.067.650.887
3 Thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ	903.412.318
4 Thuế GTGT hàng bán bị trả lại, bị giảm giá	4.112.769
5 Thuế GTGT hàng bán nội địa đã nộp vào Ngân sách	2.551.334.659
6 Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp cuối năm	3.958.289.501

Kế toán trưởng



Bùi Thị Vân



Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2013

Giám đốc

Hoàng Văn Thọ

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		60.509.976.596	46.769.606.892
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(7.782.947.635)	(21.202.257.573)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(22.981.825.585)	(27.125.427.300)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(981.500.000)	(804.614.070)
5. Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	06		2.775.491.145	2.061.171.258
6. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07		(21.204.511.977)	(13.726.193.264)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.334.682.544	(14.027.714.057)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(15.220.727)	(198.542.500)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		18.836.364	85.293.730
3. Tiền chi cho vay, mua lại công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(20.400.000.000)	(46.551.300.634)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		21.750.000.000	59.409.300.634
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		525.722.808	2.108.655.097
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.879.338.445	14.853.406.327
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.563.891.673)	(1.649.838.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.563.891.673)	(1.649.838.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		10.650.129.316	(824.145.730)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.472.287.915	2.296.433.645
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		12.122.417.231	1.472.287.915

Kế toán trưởng



Bùi Thị Vân

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2013

Giám đốc



Hoàng Văn Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Đường bộ là thành viên của Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải (TEDI) được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Thiết kế Đường bộ theo Quyết định số 2131/QĐ-BGTVT ngày 12/10/2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103015225 đăng ký lần đầu ngày 28/12/2006.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 ngày 14 tháng 06 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty là 11.550.000.000 đồng (Mười một tỷ, năm trăm, năm mươi triệu đồng).

Công ty đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán là Công ty đại chúng và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là Công ty Đại chúng từ tháng 06 năm 2007.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Lập quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết giao thông vận tải.
- Lập báo cáo đầu tư xây dựng, dự án đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế kỹ thuật.
- Lập hồ sơ mời thầu, phân tích và đánh giá hồ sơ dự thầu.
- Lập tổng mức đầu tư dự án, lập dự toán và tổng dự toán.
- Thiết kế các công trình giao thông cầu, đường bộ.
- Thiết kế các công trình cầu, hầm.
- Thiết kế các công trình xây dựng cầu.
- Thiết kế công trình đường sắt.
- Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng.
- Thiết kế điện chiếu sáng công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông.
- Thiết kế biện pháp khảo sát công trình, khảo sát địa chất, thủy văn.
- Thiết kế nền, xử lý nền: đối với công trình xây dựng.
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp.
- Thẩm tra: Hồ sơ khảo sát, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và tổng dự toán (chỉ hoạt động khi có đủ năng lực theo quy định của pháp luật).
- Khảo sát thủy văn, môi trường.
- Khảo sát địa chất thủy văn, địa chất công trình.
- Khảo sát trắc địa công trình.
- Điều tra phân tích, thu thập các số liệu phục vụ thiết kế các công trình tiện ích giao thông.
- Điều tra, thu thập các số liệu về quy hoạch, dân sinh, kinh tế - xã hội, các vấn đề liên quan đến giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, xây dựng, công nghiệp.
- Tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông (chỉ hoạt động khi có đủ năng lực theo quy định của pháp luật và theo chứng chỉ hành nghề).
- Kiểm định, thử tải công trình (chỉ hoạt động khi có đủ năng lực theo quy định của pháp luật).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (tiếp theo)

- Thí nghiệm vật liệu xây dựng và thí nghiệm công trình.
- Tư vấn quản lý dự án, đầu tư xây dựng (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật và theo chứng chỉ hành nghề).
- Sửa chữa thiết bị đo đạc.
- Phân tích, nghiên cứu, đánh giá tác động môi trường.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán - Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ phản ánh dòng tiền của doanh nghiệp bao gồm tiền thu và chi của Công ty.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm.

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Năm 2011 và 2012, Công ty ghi nhận chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo chi phí thực tế phát sinh của các công trình đang thực hiện dở dang và chưa được nghiệm thu tại ngày 31/12/2012.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Số năm khấu hao

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 08 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và thực hiện trích khấu hao trong 4 năm.

7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được phản ánh trong Báo cáo tài chính của Công ty theo giá gốc. Các số dư tiền gửi được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản tài trợ thương mại của Ngân hàng cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng đối với các khoản tiền khách hàng ứng trước cho Công ty.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch tăng vốn Nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ kế toán khi xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2005 theo quyết định số 1942/QĐ-BGTVT ngày 20 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty thực hiện phân bổ lợi thế thương mại trong vòng 10 năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn gồm: công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Chi phí này được vốn hoá dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng từ 2-3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí dịch vụ hỗ trợ quản lý và phát triển thương hiệu với Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế GTVT năm 2012 và chi phí B phụ của một số công trình có doanh thu ghi nhận trong năm 2012, được ghi nhận căn cứ trên Hợp đồng và nghiệm thu thanh toán, khối lượng.

10. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công công trình đường giao thông được ghi nhận trên cơ sở biên bản nghiệm thu quyết toán từng công trình hoặc biên bản nghiệm thu thanh toán từng hạng mục công trình và hóa đơn đã xuất. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi của Ngân hàng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có thông báo nhận khoản lãi.

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

11. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm hoạt động. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

12. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên còn lại trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

V.01 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	88.221.890	1.458.799.430
Tiền gửi ngân hàng	12.034.195.341	13.488.485
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	9.005.057.035	1.389.855
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đống Đa	3.029.138.306	12.098.630
Cộng:	12.122.417.231	1.472.287.915

V.02 Phải thu khách hàng

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế GTVT	1.421.611.000	1.461.473.000
Ban Quản lý dự án 6	1.150.459.000	-
Ủy ban Nhân dân huyện Hương Khê	95.566.740	95.566.740
Công ty Cổ phần Xây dựng Tasco	1.134.148.000	4.004.195.000
Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng GT Quảng Trị	1.902.791.333	1.654.018.791
Công ty CP Phát triển địa ốc Cienco 5	939.079.757	1.839.079.757
Ban QLDA CTGT Vĩnh Phúc	617.743.000	1.167.743.000
Ban QL các DAGT Hà Nam	1.199.092.185	1.070.953.448
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 4	194.776.410	194.776.410
Ban Quản lý dự án 2	451.472.000	-
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	471.663.000	471.663.000
Khu Quản lý Đường bộ, Đường thủy Đồng Nai	4.314.025.167	-
Sở Giao thông vận tải Nam Định	220.408.064	220.408.064
Phải thu khách hàng khác	5.616.973.424	11.823.822.169
Cộng:	19.729.809.080	24.003.699.379

V.03 Trả trước cho người bán

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng Đường Sắt	160.000.000	160.000.000
Công ty CP Long Việt	65.000.000	30.000.000
Đoạn quản lý đường Thủy nội địa số 9	50.000.000	50.000.000
Đoàn Địa vật Lý khu vực	50.000.000	50.000.000
Đặng Văn Đức	50.000.000	35.000.000
Viện nghiên cứu môi trường và PT bền vững GTVT	30.000.000	-
Phân viện QH Thủy lợi Miền Nam	30.000.000	30.000.000
Người bán khác	263.418.182	820.599.382
Cộng:	698.418.182	1.175.599.382

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

V.04 Hàng tồn kho

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.178.717.398	3.372.183.031
Khảo sát, TKKT 3 nút giao Yên Bình, Phố Yên, Tân Lập thuộc DAXD QL3 mới và hệ thống đường bộ Hà Nội - Thái Nguyên	753.091.818	-
Khảo sát, TKBVT và Lập dự toán đường, hè, cây xanh, thoát nước mưa DA ĐTXD đường 62m kéo dài (gđ2)	410.242.818	403.439.818
Khảo sát, lập DA ĐTXDCT cải tạo, nâng cấp đường 388, huyện Kim Thành, Hải Dương	332.270.164	293.472.619
Các dự án khác	1.683.112.598	2.675.270.594
Cộng:	3.178.717.398	3.372.183.031

V.05 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tạm ứng		
Phòng Thủy văn môi trường	8.318.000	14.804.973
Phòng Địa chất	178.796.930	113.676.520
Phòng Khảo sát	210.667.700	428.949.915
Phòng Nền mặt đường	144.824.200	78.364.200
Phòng Thiết kế đường 1	4.721.400	15.287.766
Các phòng và cá nhân khác	49.807.500	116.581.931
Cộng:	597.135.730	767.665.305

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃU B 09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

V.06 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư ngày 31/12/2011	581.825.350	2.206.520.065	2.513.181.547	1.065.702.441	6.367.229.403
Tăng trong năm	-	130.975.000	-	44.384.363	175.359.363
Mua trong năm	-	130.975.000	-	44.384.363	175.359.363
Giảm trong năm	-	155.631.548	161.904.760	116.449.588	433.985.896
Thanh lý, nhượng bán	-	155.631.548	161.904.760	116.449.588	433.985.896
Số dư ngày 31/12/2012	581.825.350	2.181.863.517	2.351.276.787	993.637.216	6.108.602.870
GIÁ TRỊ HAO MÓN LUY KẾ					
Số dư ngày 31/12/2011	445.819.151	1.415.173.693	1.252.232.583	824.684.484	3.937.909.911
Tăng trong năm	10.917.181	207.376.251	215.076.217	94.902.843	528.272.492
Khấu hao trong năm	10.917.181	207.376.251	215.076.217	94.902.843	528.272.492
Giảm trong năm	-	155.631.548	161.904.760	116.449.588	433.985.896
Thanh lý, nhượng bán	-	155.631.548	161.904.760	116.449.588	433.985.896
Số dư ngày 31/12/2012	456.736.332	1.466.918.396	1.305.404.040	803.137.739	4.032.196.507
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	136.006.199	791.346.372	1.260.948.964	241.017.957	2.429.319.492
Tại ngày 31/12/2012	125.089.018	714.945.121	1.045.872.747	190.499.477	2.076.406.363

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

V.07 Tài sản cố định vô hình

	Đơn vị tính: VND	
	Phần mềm máy tính	Cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư ngày 31/12/2011	144.485.000	144.485.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư ngày 31/12/2012	144.485.000	144.485.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư ngày 31/12/2011	144.485.000	899.487.941
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư ngày 31/12/2012	144.485.000	144.485.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 31/12/2011	-	-
Tại ngày 31/12/2012	-	-

V.08 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	-	361.521.486
Giá trị vốn Nhà nước tại doanh nghiệp	2.170.933.561	2.894.578.081
Cộng:	2.170.933.561	3.256.099.567

V.09 Phải trả người bán

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty TNHH MTV KSTKXD Điện 4	522.670.805	139.000.000
Công ty CP tư vấn XD Hạ tầng 808	282.622.810	-
Nguyễn Tuấn Khanh	22.054.000	-
Công ty Bảo Minh Thăng Long	420.854.288	-
Công ty CP xây lắp điện & ĐTXD Hải Dương	129.685.626	-
Công ty TNHH Tân Hưng	144.072.500	-
Công ty khác	2.798.548.678	736.491.097
Cộng:	4.320.508.707	875.491.097

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

V.10 Người mua trả tiền trước

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế GTVT	178.000.000	-
Ban QL các DA cầu Hải Phòng	135.435.182	-
Ban Quản lý DA2	144.899.999	111.587.488
BQLDA CTXD NN & PTNT Phú Thọ	956.736.066	-
Liên doanh CTCP ĐT Văn Phú và CTCP ĐT Hải Phát	632.758.000	632.758.000
Ban QLDA 46/ Bộ tổng tham mưu	213.552.000	213.552.000
Công ty CP Đầu tư BĐS Thành Đông	474.000.000	474.000.000
Người mua khác	2.511.213.190	12.524.202.139
Cộng:	5.246.594.437	13.956.099.627

V.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.958.289.501	1.349.498.360
Thuế thu nhập doanh nghiệp	625.148.527	735.361.723
Thuế thu nhập cá nhân	390.062.672	404.837.740
Thuế thuê đất	1.125.070	-
Cộng:	4.974.625.770	2.489.697.823

V.12 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	147.413.088	128.770.656
BHXXH, BHYT, BHTN	153.264.404	127.764.468
Các khoản phải trả phải nộp khác	3.033.301.253	3.380.700.548
Trong đó:		
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>111.485.415</i>	<i>58.377.088</i>
<i>Phải trả tiền nhận nợ chi phí các phòng</i>	<i>2.783.072.380</i>	<i>3.322.323.460</i>
<i>Khác</i>	<i>138.743.458</i>	<i>-</i>
Cộng:	3.333.978.745	3.637.235.672

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐƯỜNG BỘ
Số 278 phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

V.13 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Cộng
Số dư tại 01/01/2011	11.550.000.000	797.958.365	537.203.166	199.842.208	13.085.003.739
Tăng trong năm	-	-	-	2.700.083.775	2.700.083.775
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	2.700.083.775	2.700.083.775
Giảm trong năm	-	-	-	600.000.000	600.000.000
Tạm trích quỹ KT, Phúc lợi	-	-	-	600.000.000	600.000.000
Số dư tại 31/12/2011	11.550.000.000	797.958.365	537.203.166	2.299.925.983	15.185.087.514
Số dư tại 01/01/2012	11.550.000.000	797.958.365	537.203.166	2.299.925.983	15.185.087.514
Tăng trong năm	-	313.000.000	134.000.000	3.443.729.935	3.890.729.935
Trích lập từ LN 2011	-	313.000.000	134.000.000	-	447.000.000
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	3.443.729.935	3.443.729.935
Giảm trong năm	-	-	-	2.486.922.918	2.486.922.918
Chia cổ tức kỳ này	-	-	-	1.617.000.000	1.617.000.000
Trích quỹ KT, Phúc lợi	-	-	-	422.922.918	422.922.918
Trích quỹ khác	-	-	-	447.000.000	447.000.000
Số dư tại 31/12/2012	11.550.000.000	1.110.958.365	671.203.166	3.256.733.000	16.588.894.531

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

V.13 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tổng Công ty TVTK Giao thông Vận tải	5.890.500.000	5.890.500.000
Vốn góp của các cổ đông khác	5.659.500.000	5.659.500.000
Cộng	11.550.000.000	11.550.000.000

b. Cổ phiếu

	Năm 2012 Cổ phiếu	Năm 2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu phát hành	1.155.000	1.155.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	1.155.000	1.155.000
Cổ phiếu phổ thông	1.155.000	1.155.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.155.000	1.155.000
Cổ phiếu phổ thông	1.155.000	1.155.000

Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu

c. Lợi nhuận đã chia

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận đã chia	1.617.000.000	1.617.000.000
Cộng	1.617.000.000	1.617.000.000

d. Cổ tức đã trả

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Cổ tức đã chi trả	1.563.891.673	1.649.838.000
Cộng	1.563.891.673	1.649.838.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

VI.01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu đơn vị tự làm	55.718.557.022	55.849.583.828
Doanh thu thuê nhà thầu phụ	5.170.915.084	4.358.333.320
Cộng:	60.889.472.106	60.207.917.148

VI.02 Giá vốn hàng bán

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn đơn vị tự làm	39.116.542.090	43.770.479.972
Giá vốn thuê nhà thầu phụ	5.170.915.084	4.358.333.320
Cộng:	44.287.457.174	48.128.813.292

VI.03 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	525.722.808	2.108.655.097
Cộng:	525.722.808	2.108.655.097

VI.04 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.646.460.981	6.032.478.534
Chi phí vật liệu	345.182.874	219.213.455
Chi phí đồ dùng văn phòng	840.970.508	736.604.111
Chi phí khấu hao TSCĐ	64.279.627	89.661.930
Thuế, phí và lệ phí	598.834.970	99.752.893
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.834.569	45.552.322
Chi phí bằng tiền khác	4.426.542.510	3.348.311.071
Cộng:	13.016.106.039	10.571.574.316

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

VI.05 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.315.016.739	3.699.778.367
<i>Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN</i>	663.765.000	-
- Điều chỉnh tăng Chi phí lập dự phòng phải thu	663.765.000	-
Tổng thu nhập chịu thuế	4.978.781.739	3.699.778.367
Thuế TNDN phải nộp	1.244.695.435	999.694.592
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành</i>	<i>871.286.804</i>	<i>999.694.592</i>
- Thuế TNDN được miễn 30%	373.408.631	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.443.729.935	2.700.083.775

VI.06 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.038.182.846	18.698.495.931
Chi phí nhân công	26.398.307.800	25.837.493.300
Chi phí khấu hao tài sản cố định	528.272.492	549.942.744
BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	1.998.272.103	1.813.509.729
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.266.887.380	4.515.182.472
Chi phí khác bằng tiền	7.880.174.959	7.406.834.625
Cộng:	57.110.097.580	58.821.458.801

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

VII.1 Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

a. Giao dịch mua bán giữa các bên liên quan

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Các giao dịch bán	6.391.659.024	18.240.272.339
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải	5.955.971.751	17.611.525.067
Công ty Cổ phần TVTK Cảng Đường Thủy	-	227.272.727
Công ty Cổ phần TVXD CTGT 2	435.687.273	401.474.545
Các giao dịch mua	3.605.398.233	1.263.817.544
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải	1.471.591.903	836.544.817
Công ty CP TVTK Giao thông vận tải 4	1.257.050.909	-
Công ty CP TVTK Cầu Lớn Hàm	40.909.091	245.454.545
Chi nhánh TCT TVTK Giao thông Vận tải	835.846.330	-
Công ty Cổ phần TVXD Cảng Đường Thủy	-	181.818.182

b. Số dư với các bên liên quan

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu khách hàng	1.431.355.000	1.471.217.000
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải	1.421.611.000	1.461.473.000
Công ty CP TVTK Giao thông vận tải 4	9.744.000	9.744.000
Cộng các khoản phải thu	1.431.355.000	1.471.217.000
Phải trả người bán	2.041.510.176	108.981.420
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải	1.122.079.213	108.981.420
Chi nhánh TCT TVTK Giao thông Vận tải	919.430.963	-
Người mua trả tiền trước	178.000.000	-
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải	178.000.000	-
Cộng các khoản phải trả	2.219.510.176	108.981.420

c. Thu nhập Ban giám đốc được hưởng trong năm

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Lương	1.868.003.500	1.757.503.500
Tiền thưởng	140.900.000	184.400.000
Các khoản phụ cấp và thu nhập khác	175.138.240	138.270.000
Tổng cộng	2.184.041.740	2.080.173.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

VII.2 Số liệu so sánh

Số liệu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

VII.3 Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012.

Kế toán trưởng



Bùi Thị Vân



Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2013

Giám đốc

Hoàng Văn Thọ